

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: **37/2017/HSST**
Ngày 22/11/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Thị Thiện

2/ Ông Nguyễn Văn Dũng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2017, tại Phòng xử án A - Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu T.** Sinh năm 1980, tại tỉnh Nghệ An;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tôn giáo: Thiên Chúa giáo;

Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông Trần Văn T, sinh năm 1955 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960;

Vợ là Dương Thị N, sinh năm 1984 và có 01 con, sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 04/5/2013, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Cư Kuin khởi tố về tội cố ý gây thương tích. Ngày 05/8/2013 Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin ra Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2013/HSST-QĐ (do người bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố);

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (*Có mặt*).

*** Người bị hại:** Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1968.

Trú tại: xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (*Có mặt*).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977 và bà Phan Thị L, sinh năm 1979.

Cùng trú tại: xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Y R Niê, sinh năm 1972.

Trú tại: Buôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Q, sinh năm 1975.

Trú tại: xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Ông Y K Ayũn, sinh năm 1995.

Trú tại: Buôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Trú tại: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Hữu T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 22/4/2015, Trần Hữu T đi bộ ngang qua tiệm rửa xe của ông Nguyễn Đình H tại thôn 2, xã K, huyện C thì nhìn thấy 01 xe cày tay (xe công nông) nhãn hiệu CAOPHONG, biển số 47M-XXXX có rơ moóc màu xanh phía sau, đang đỗ trước cửa tiệm rửa xe không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài.

T đến chỗ xe công nông lấy tay quay ở trên xe rồi nổ máy điều khiển đi về hướng buôn C, xã T, huyện C lên thành phố B. Khi đi đến khu vực đường vành đai (đường tránh) phía tây của Quốc lộ X thuộc xã H, thành phố B thì xe hết nhiên liệu và tắt máy. T xuống xe đi bộ tìm kiếm địa điểm bán. Đến khoảng 08 giờ ngày 23/4/2015, T đến cửa tiệm sửa chữa xe công nông của ông Nguyễn Thanh H tại thôn 2, xã H, thành phố B hỏi có mua chiếc xe máy kéo không thì ông H hỏi lại: “Xe đâu”, T trả lời: “Xe ở gần đây nhưng bị hết dầu”. Sau đó ông H cùng với T đi mua dầu Diesel rồi đến địa điểm đỗ xe công nông để xem và kiểm tra xe. T nói xe của T và đồng ý bán cho ông H với giá 11.000.000 đồng. Sau đó T điều khiển xe công nông về nhà của ông H ở thôn 8, xã H rồi cả hai quay lại cửa tiệm của ông H để viết giấy tờ mua bán. Lúc này, ông H gọi điện thoại nói vợ là bà Phan Thị L đưa số tiền 11.000.000 đồng đến cho ông H để trả tiền mua xe. Ông H yêu cầu T phải có chứng minh nhân dân (bản photo) kẹp vào giấy tờ mua bán xe nên T đi xe buýt về nhà lấy chứng minh nhân dân đưa cho ông H. Viết giấy tờ mua bán xong, ông H nhận xe còn T nhận số tiền 11.000.000 đồng và đi về.

Ngày 13/6/2015, ông Y R Niê gặp ông Nguyễn Q để nhờ tìm mua giúp 01 chiếc xe công nông và cả hai đến nhà ông H nhưng ông H không có nhà nên đi về. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, ông Y R Niê, Y K Ayũn và ông Q đến nhà ông H.

Tại đây, ông Y K kiểm tra chất lượng xe còn ông Y R và ông H trao đổi, thỏa thuận về việc mua bán xe. Ông Y R có hỏi về nguồn gốc và giấy tờ xe thì ông H nói xe cũ nên không có giấy tờ. Cả hai thống nhất giá của xe công nông là 32.000.000 đồng; sau khi nhận tiền, ông H cho lại ông Y R số tiền 200.000 đồng và cho ông Q số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, ông Y R và Y K điều khiển xe công nông về nhà tại buôn C, xã Đ, huyện M sử dụng làm phương tiện phục vụ đi lại và sản xuất trong gia đình.

Qua quá trình tìm kiếm, ngày 06/4/2017, ông Nguyễn Đình H phát hiện chiếc xe công nông của mình đang để tại nhà ông Y R Niê nên đã trình báo vụ việc.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã thu giữ: 01 xe cày tay (xe công nông), biển số 47M-XXXX, đầu máy sơn màu đỏ, nhãn hiệu CAOPHONG, đã cũ, khung rơ moóc màu xanh đã bị phai màu; 01 tờ “*Giấy bán xe cày 2 tay*” có ghi tên “*Tần Hữu T*” và 01 Giấy chứng minh nhân dân (bản photo) mang tên Trần Hữu T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG ngày 26/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị 01 xe công nông, nhãn hiệu CAOPHONG, màu sơn đỏ, số máy 47MXXXX, số khung 47MXXXX tại thời điểm ngày 22/4/2015 là 29.667.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 449/PC54 ngày 25/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên “*Tần Hữu T*” trong tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên “*Tần Hữu T*” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 05/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 xe công nông, biển số 47M-XXXX, nhãn hiệu CAOPHONG cho ông Nguyễn Đình H là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

Ngày 26/9/2017, vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Phan Thị L đã tự nguyện trả lại cho ông Y R Niê số tiền 32.000.000 đồng. Ngày 27/9/2017, ông Y R Niê đã có đơn không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Ngày 09/10/2017, bị cáo Trần Hữu T đã tự nguyện trả lại số tiền 11.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh H và ông H đã có đơn không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Cáo trạng số: 38/CT-VKS-HS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi nên bị cáo đã trộm cắp 01 xe công nông nhãn hiệu CAOPHONG, biển số 47M-XXXX có giá trị là 29.667.000 đồng đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Cáo trạng số: 38/CT-VKS-HS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích, đánh giá

tính chất, mức độ, vai trò do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đồng thời đề cập các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị: Căn cứ Điều 138 BLHS tuyên bố bị cáo Trần Hữu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS: Phạt bị cáo Trần Hữu T mức án **tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào thi hành án.

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 dàn máy xe công nông, biển số 47M-XXXX, nhãn hiệu CAOPHONG, có khung rơ moóc màu xanh cho ông Nguyễn Đình H là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

Đối với 01 tờ “Giấy bán xe cày 2 tay” có ghi tên “Tần Hữu T” mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự năm 2005: Quá trình điều tra truy tố, người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 153.800.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại và bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 20.000.000 đồng gồm chi phí sửa chữa xe và thiệt hại trong thời gian chiếc xe bị mất nên cần ghi nhận.

Đối với ông Nguyễn Thanh H, bà Phan Thị L và ông Y R Niê không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin đã truy tố, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 22/4/2015, tại thôn 2, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk bị cáo Trần Hữu T lợi dụng sơ hở trộm cắp 01 xe công nông nhãn hiệu CAOPHONG, biển số 47M-XXXX, có gắn rơ moóc màu xanh của ông Nguyễn Đình H trị giá 29.667.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của gia đình bị hại mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố nên Toà án nhân dân huyện Cư Kuin đã đình chỉ vụ án, thế nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên toà đã khai báo thành khẩn nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với việc bồi thường khắc phục hậu quả, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho ông Nguyễn Thanh H, bà Phan Thị L số tiền 11.000.000 đồng và thỏa thuận với người bị hại bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Các bên đã hẹn ngày 27/10/2017 đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin để giao nhận số tiền trên, tuy nhiên bị hại không có mặt theo lịch hẹn, gia đình bị cáo đã mang số tiền 8.000.000 đồng về và sẵn sàng bồi thường khi bị hại yêu cầu nên theo quy định tại điểm d mục 1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, bị cáo được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các điều 604, 605, 606, 608 Bộ luật dân sự năm 2005:

Quá trình điều tra ông Nguyễn Đình H yêu cầu bị cáo Trần Hữu T phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 153.800.000 đồng bao gồm: Tiền công làm thuê từ chiếc xe công nông là 142.800.000 đồng, thay 02 cặp lốp trước và sau là 9.000.000 đồng, sửa lại dàn máy xe công nông là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người bị hại và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (bao gồm chi phí thay 02 cặp lốp trước và sau, sửa lại dàn máy (cao phong) và bồi thường thiệt hại do việc mất xe gây ra). Tuy bị hại không cung cấp được hóa đơn chứng từ theo quy định nhưng xét thấy đây là chi phí hợp lý nên cần ghi nhận.

Ngày 26/9/2017, vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Phan Thị L đã tự nguyện trả lại cho ông Y R Niê số tiền 32.000.000 đồng. Ngày 09/10/2017, bị cáo Trần Hữu T đã tự nguyện trả lại số tiền 11.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh H. Hiện nay ông H, bà L và ông Y R không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Đối với việc ông Nguyễn Thanh H cho ông Y R Niê số tiền 200.000 đồng và cho ông Nguyễn Q 1.000.000 đồng nhưng hiện nay không yêu cầu trả lại nên không xem xét giải quyết.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 dàn máy xe cày tay (xe công nông), biển số 47M-XXXX, nhãn hiệu CAOPHONG, có khung rơ moóc màu xanh cho ông Nguyễn Đình H là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng theo biên bản giao nhận ngày 05/9/2017 là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với 01 tờ “Giấy bán xe cày 2 tay” có ghi tên “Trần Hữu T” mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với việc ông Nguyễn Thanh H, bà Phan Thị L, ông Nguyễn Q và ông Y R Niê có liên quan trong việc trao đổi, mua bán, sử dụng xe công nông biển số 47M-XXXX, nhãn hiệu CAOPHONG của ông Nguyễn Đình H, nhưng xét thấy trong quá trình trao đổi, mua bán, sử dụng không biết đây là tài sản do bị cáo Trần Hữu T phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin không xem xét xử lý là phù hợp.

*** Về án phí:** Bị cáo Trần Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Phạt bị cáo Trần Hữu T **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các điều 604, 605, 606, 608 Bộ luật dân sự năm 2005:

Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa người bị hại và bị cáo: Buộc bị cáo Trần Hữu T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Đình H số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) gồm chi phí thay 02 cặp lốp trước và sau, sửa lại dàn máy (cao phong) và bồi thường thiệt hại do việc mất xe gây ra.

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại 01 xe công nông, biển số 47M-XXXX, nhãn hiệu CAOPHONG, có khung rơ moóc màu xanh cho ông Nguyễn Đình H theo biên bản giao nhận ngày 05/9/2017.

Đối với 01 (một) tờ “Giấy bán xe cày 2 tay” có ghi tên “Trần Hữu T” mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Trần Hữu T nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

*** Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ khi tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- THADS huyện C;
- Sở Tư pháp;
- Phòng HSNVCA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH